

## **ĐỂ HIỂU VỀ VĂN HOÁ VÀ TÔN GIÁO TRUNG HOA**

ANDRÉ CHIENG<sup>(\*)</sup>

André Chieng là người Pháp gốc Hoa, sinh năm 1953 tại Marseille, được tiếp thu giáo dục kinh điển Trung Quốc trong gia đình, đồng thời đã theo học các trường Pháp. Tốt nghiệp Đại học Bách khoa, hiện ông là Chủ tịch Tổ chức Thương mại Châu Á ở Châu Âu, giữ vai trò quan trọng về cố vấn trong tiếp xúc kinh tế giữa Châu Âu với Trung Quốc. Cuốn sách "*Sự thực hành của Trung Quốc*"<sup>(\*\*)</sup> được viết cùng với Francois Jullien, nhà triết học hiện đại Pháp, nhằm giúp cho độc giả Châu Âu hiểu biết về Trung Quốc, bằng cách đứng trên tư duy Trung Hoa để nhìn lại tư tưởng phương Tây. Chúng tôi xin trích giới thiệu một đoạn trong cuốn sách trên.

**M**uốn hiểu Trung Quốc trước hết phải nói đến thuyết *Ngũ hành*. Hành có nghĩa là "đi, hành động". Nhà triết học và nhà lịch sử tư tưởng Trung Hoa Phùng Hữu Lan trong cuốn *Giản yếu lịch sử triết học Trung Quốc* đề nghị nên dịch *Ngũ hành* là Năm Nhân Tố. Đó là Nước, Lửa, Gỗ, Kim loại, Đất (Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ). Mỗi nhân tố ứng với một phương của trời đất: Nước ở phương Bắc, Lửa ở phương Nam, Gỗ ở phương Đông, Kim loại ở phương Tây và cuối cùng Đất ở Trung tâm. Như vậy, ở Trung Quốc có 5 phương. [...]

Người Hi Lạp cũng có một lí thuyết về Bốn Yếu tố (Nước, Đất, Không khí và Lửa), được trình bày trong sách *Timée* (đối thoại triết học của Platon). Sự tương

đồng giữa hai lí thuyết cộng thêm việc sử dụng từ ngữ như nhau, dễ gây cho ta hiểu nhầm.

Ngũ hành liên kết với nhau. Trước hết là tương sinh: Gỗ sinh Lửa rồi Lửa sinh Đất, Đất sinh Kim loại, đến lượt Kim loại sinh ra Nước, từ đó sinh ra Gỗ. Tiếp đó là tương khắc: Kim loại chặt Gỗ, cây Gỗ chinh phục Đất, Đất hút nước làm tắt Lửa và Lửa nung cháy Kim loại. Điều đó cho thấy không Hành nào cao hơn Hành nào, và mỗi Hành đều lần lượt ngự trị lên trên. Người ta đã giải thích sự tiếp nối của các triều đại đầu tiên như vậy: Vũ là thổ, Hạ là mộc, Ân là kim, Chu là hỏa.

\*. Chủ tịch tổ chức Thương mại Châu Á ở Châu Âu.

\*\* . André Chieng. *La pratique de la Chine*. Grasset, Paris 2006.

Cần nhắc lại rằng Trung Hoa là một dân tộc nông nghiệp, đặc biệt nhạy cảm với sự chuyển tiếp các mùa mà họ lấy làm cơ sở cho khái niệm về thế giới.

Ngũ Hành theo Phùng Hữu Lan là cơ sở cho những lập luận của một trường phái mà ông gọi là huyền bí học gồm có sáu thuyết. Trong các trường phái đó có hai trường phái muốn giải thích cấu trúc của vũ trụ: Trường phái Ngũ Hành và nổi tiếng nhất là Trường phái Âm-Dương. [...]

Học thuyết về Bốn Yếu tố của Hi Lạp ngày nay đã bị lãng quên. Nhưng học thuyết Âm - Dương ở Trung Quốc đến nay vẫn được vận dụng rộng rãi, dù cho đôi khi người ta không để ý đến. Chỉ lấy vài ví dụ: Các đám cưới và lễ sinh nhật ngày nay đều được trang hoàng màu đỏ. Màu đỏ tượng trưng cho hạnh phúc và hỉ sự gắn với hơi ấm của lửa và phương nam. Thái cực quyền còn được tập luyện đến ngày nay là sự vận dụng của nguyên lí Ngũ Hành. Cuối cùng y học cổ truyền Trung Hoa giải thích mọi bệnh tật là từ sự mất tương xứng giữa âm và dương.

Ta có thể bỏ qua những vấn đề đó khi nghĩ rằng hiện đại hoá và toàn cầu hoá có ngày sẽ thắng thế, chỉ trừ khi ta giữ gìn nó để gắn bó với quá khứ. Như vậy là sẽ bỏ qua một ảnh hưởng không đo đếm được nhưng rất quan trọng, của những học thuyết đó đối với tư duy của người Trung Hoa. Nhà Trung Hoa học người Anh, chuyên gia về khoa học kĩ thuật Trung Quốc, Joseph Needham, đã nhận xét rằng trong mọi khoa học, có một môn đạt được tiến bộ đáng kể ở Trung Quốc so với phương Tây, đó là khoa học về từ tính, chứng minh bằng sự phát minh ra la bàn, được biết đến ở Trung Quốc nhiều thế kỉ trước Châu Âu. Ông cho rằng sự tiến bộ

đó của Trung Quốc là do khái niệm về tác động tương hỗ không qua tiếp xúc đã được tư duy Trung Hoa chấp nhận từ lâu trong khi phương Tây thừa nhận nó muộn hơn nhiều.

Trong một trật tự suy nghĩ gần đây hơn, ta có thể nêu lên việc giải thích sự ưu việt của nước Mỹ. Đó là một sự thật mà không ai chối cãi được: Nước Mỹ ngày nay là một “siêu cường” thế giới – nhưng tại sao? Ở phương Tây người ta đưa ra nhiều cách giải thích, khi thì về chính trị (tính ưu việt của sự kết hợp giữa hệ thống dân chủ với kinh tế thị trường), khi thì về kinh tế (sức mạnh của kinh tế Mỹ, tầm quan trọng của chi phí nghiên cứu và phát triển, v.v...). Tất cả đều có một hay nhiều nguyên nhân chung giải thích tính ưu việt đó, đôi khi có thêm sự minh chứng về tinh thần: Vì Mỹ là nước trọng “đạo lí” nhất nên nó mạnh nhất. Nhiều người Trung Hoa không chấp nhận loại suy diễn đó. Đối với họ, đơn giản chỉ là sự thay đổi luân phiên của quyền lực mà thôi. Giống như không một mùa nào có thể ngự trị mãi mãi và sau mùa xuân phải đến mùa hạ, hay hết ngày lại đến đêm, sự thống trị của Mỹ hay các nước khác sẽ chuyển từ nước này sang nước nọ. Nếu ngày nay Mỹ là cường quốc thống trị, đấy là vì đến lượt nó thực hiện sự thống trị đó, nhưng điều đó không phải là vĩnh cửu, không chứng minh được bằng một nguyên nhân khoa học hay tinh thần. Phùng Hữu Lan cũng coi khái niệm *trở lại* là dữ kiện chung cho hai trường phái tư tưởng chính của Trung Quốc: Khổng học và Lão học. Ông dẫn Lão tử: “*Phản giả đạo chi động*”<sup>(1)</sup> (Luật vận hành của đạo là trở lại lúc đầu). Ông nói thêm:

1. Lão tử. *Đạo đức kinh*. Chương 10, theo bản dịch của Nguyễn Hiến Lê. Nxb Văn hoá, 1994.

Lí luận đó có ảnh hưởng lớn đối với nhân dân Trung Quốc và đã giúp họ rất nhiều để vượt qua muôn vàn khó khăn mà họ đã gặp phải trong lịch sử trường kì. Thấm nhuần học thuyết đó, người Trung Hoa luôn thận trọng, ngay cả khi phồn vinh và đầy hi vọng, ngay cả khi gặp hiểm nguy cùng cực<sup>(2)</sup>.

Đối với người Trung Hoa, lịch sử là sự kế tiếp nhau của những thời kì phồn thịnh và vinh quang tiếp theo thời kì rối ren và hỗn loạn. Chính vì vậy mà một số cách trình bày nhằm chứng minh sự ưu việt của hệ thống chính trị và kinh tế của phương Tây bằng sức mạnh của những nước đã vận dụng nó, đôi khi thiếu thuyết phục đối với người Trung Hoa, họ nghĩ rằng những ý tưởng đó được truyền bá không phải vì chúng đúng, mà vì chúng là ý tưởng của những nước mạnh nhất. Đó là hệ quả chứ không phải là nguyên nhân.

Ta biết cái vòng thái cực của Đạo học, trong đó có một đường cong chia vòng tròn thành hai nửa đều nhau đen và trắng, nhưng có một điểm đen trong phần trắng và một điểm trắng trong phần đen. Nhiều cách giải thích cho rằng đó là sự hiện diện của hoocmon nam ở nữ và hoocmon nữ ở nam giới. Nhưng có thể đưa ra một cách giải thích về tinh thần. Vậy học thuyết về cái Thiện và cái Ác sẽ ra sao khi được nhìn dưới ánh sáng của âm và dương?

Tôi nhớ đến một truyện ngụ ngôn Trung Quốc được đọc từ hồi bé mình hoạ lập luận này, đó là truyện *Ông già ở Trường thành mất ngựa*:

Ngày xưa, phía bên kia Trường Thành, có một ông già nuôi ngựa. Một hôm con ngựa giống tốt nhất của ông bỏ đi. Hàng xóm đến định an ủi ông. Nhưng ông già vẫn bình thản và nói: “Các bác nghĩ rằng đây

là điều không may, nhưng có lẽ không phải thế thì sao?”. Mấy ngày sau con ngựa trở về sau khi rong ruổi trên thảo nguyên, nhưng lại dẫn theo về một đàn ngựa hoang. Ông già trở nên giàu có và hàng xóm lại đến chúc mừng: “Cụ có lí, cái tưởng rằng hoạ lại trở thành phúc.”. Ông già vẫn bình thản và đáp lại: “Biết đâu đó, điều mà các bác bảo là phúc cũng rất có thể trở thành tai hoạ”. Và kết quả là người con lớn của ông già định thuần dưỡng ngựa hoang, đã bị hất ngã gãy chân và trở nên tàn tật. Nhưng ít lâu sau, chiến tranh bùng nổ và nhà vua cho trưng tập tất cả những người khoẻ mạnh đầu quân ra trận. Con trai ông lão nhờ tàn tật mà không bị đăng lính...

Đạo lí của câu chuyện rất rõ ràng: cái xấu có thể để ra cái tốt, cũng như cái tốt có thể để ra cái xấu, theo một quá trình tương sinh đã nói ở trên. Francois Jullien đi xa hơn bằng cách đối lập cái *xấu* với cái *tiêu cực*:

Cái xấu là đối tượng của sự phán xét và sự phán xét tuyên đọc trên nguyên tắc *loại trừ*: trong khi cái tiêu cực đòi hỏi có một sự thông cảm và là đối tượng của sự *tiếp nhận*: cái xấu là có hại/cái tiêu cực là hợp tác<sup>(3)</sup>.

Ông nhắc lại diễn văn của George W. Bush trước Quốc hội Đức ngày 23 tháng 5 năm 2002, khi nhắc đến cái *trục của cái Xấu*, một sự kiện đã làm sống lại một cách nguyên thủy đáng ngạc nhiên bằng việc dàn dựng những trò ma quỷ mới mà chỉ cần gạt nó đi để cho Lịch sử bừng sáng<sup>(4)</sup>.

Trước sự hồi phục của một thứ đạo Thiện - Ác, trước đây đã từng bị các giáo hội chống lại, Francois Jullien đối lập hai thái độ: Một bên là ý tưởng Cứu rỗi, trên

2. Phùng Hữu Lan. *Giản yếu lịch sử triết học Trung Quốc*. Macmillan Publishing Co inc., 1948.

3. Francois Jullien. *Bóng trong bức tranh*. Chương I, Nxb. Đà Nẵng, 2005.

4. Francois Jullien. *Sđđ.*, Chương I.

cơ sở cái xấu và cứu khỏi cái ác; bên kia là Minh triết, đưa cái tiêu cực vào sự vận hành của sự vật<sup>(5)</sup>.

Sau đấy, khi phân tích các vị trí khác nhau của các tư tưởng về vấn đề đó, F. Jullien đặt Trung Quốc như là “một trường hợp cùng cực trên bàn cờ minh triết. Tuy nhiên *âm* là bóng đen [...] còn *dương* là ánh sáng [...]. Nhưng cả hai lồng vào nhau không tách rời, và nếu một cái muốn vượt trội lên, thì ta tin chắc rằng cái kia không biến mất, mà đang chuẩn bị để quay trở lại”<sup>(6)</sup>.

Tuy nhiên khoảng cách đó của tư duy là quan trọng vì nó vượt ra khỏi đạo đức.

Ta có thể thấy một minh họa qua cuộc tranh cãi đối lập Trung Quốc và Mỹ từ mùa hè 2003 quanh việc định giá đồng tiền Trung Quốc. Giữa chiến dịch tranh cử, người Mỹ đã phát hiện ra rằng Trung Quốc đang trở thành nguyên nhân đầu tiên gây nên thâm hụt thương mại của Mỹ. Tại sao vậy? Như một số chính khách Mỹ đã nhắc lại, rằng nước Mỹ là một nước tự do cạnh tranh, không hề sợ cạnh tranh, nhưng không thể chấp nhận sự cạnh tranh không đàng hoàng. Về thực chất, cuộc cạnh tranh bất chính là do việc định giá thấp rõ rệt đối với đồng Nhân dân tệ (NDT). Người ta quên rằng trước đó ít lâu và đến tận năm 2001, ý tưởng chi phối là sau cuộc khủng hoảng Châu Á (người Trung Quốc gọi là *khủng hoảng tài chính Châu Á*), Trung Quốc, nước Châu Á duy nhất vẫn giữ tỉ giá hối đoái tiền của mình so với đồng Đôla, đã gặp nhiều khó khăn để duy trì vị trí đó và buộc phải phá giá đồng NDT. Giữa năm 2001 đến năm 2003, ở Trung Quốc không có cuộc cách mạng kinh tế nào xảy ra để củng cố đồng

tiền Trung Quốc. Nhưng cảm giác bao trùm đã thay đổi và việc theo đuổi hoàn thiện kinh tế của Trung Quốc đã khiến các thị trường phải kinh ngạc khiến cho người ta phải thay đổi cách nhìn về đất nước này. Bước ngoặt được chuyển biến nhanh chóng trong năm 2002, trong khi các cơ sở kinh tế không thay đổi. Mọi sự lên án của Mỹ đều dựa trên một cơ sở lý thuyết: đồng tiền Trung Quốc không được định giá một cách nghiêm chỉnh và giá trị của nó không được thị trường tự do định giá. Đó là cái *xấu*.

Ngược lại với Nhật Bản, khi Trung Quốc vẫn duy trì tỉ giá hối đoái tiền của mình trong cuộc khủng hoảng Châu Á, nó không tuân theo luật thị trường. Nhưng sự vi phạm lý luận đó lại có lợi cho Mỹ, từ nay về sau không còn được như thế nữa. Mỹ lại có thể nói lên sự cần thiết phải phân biệt cái Tốt và cái Xấu trong kinh tế. Vậy câu trả lời của Trung Quốc là thế nào? Họ chỉ nói trong hai chữ: *thời điểm* và *sự ổn định*.

Người Trung Quốc không nói rằng, về nguyên tắc họ phản đối việc định giá lại đồng NDT, nhưng họ chờ đợi *thời điểm* vì một quyết định cấp bách và áp đặt sẽ có hại cho sự *ổn định* của kinh tế. Không thể nào mô tả tốt hơn gián cách giữa một lý tưởng đang theo đuổi (mà không nhất thiết phải bám chắc) về sự tôn trọng tuyệt đối luật thị trường và một nền kinh tế được hướng dẫn bằng khái niệm thăng bằng biểu hiện trong quan hệ giữa âm và dương.

Thế giới của sự thật, theo định nghĩa thì chỉ có một, và thế giới thăng bằng

5. Francois Jullien. Sdd., Chương I.

6. Francois Jullien. Sdd., Chương VIII.

trong đó âm không thể tách khỏi dương. Ta biết chỗ khác nhau, nhưng chúng ta không đo lường được hiệu quả. Đã có lần tôi phải cho ý kiến về một liên doanh hoạt động không hiệu quả. Kiến nghị của bên này cũng như bên kia có khá nhiều. Nhưng một ý kiến do phía Trung Quốc đưa ra đặc biệt khiến tôi phải chú ý. Ông giám đốc Trung Quốc nói với tôi: “Khi chúng tôi kí kết liên doanh, đối tác Pháp muốn nắm phần đa số. Tôi chấp nhận họ nắm 51%. Vì họ đến nước chúng tôi nên đây là một cử chỉ lễ độ. Làm sao tôi có thể đoán ra rằng họ lợi dụng điều đó để tự đưa ra mọi quyết định, thậm chí không hỏi ý kiến chúng tôi? Họ coi với 51% thì có thể có mọi quyền, nhưng suy cho cùng, họ chỉ hơn chúng tôi có 2% mà thôi”.

Đây là trung tâm của mọi khó khăn vấp phải.

Khi đi thăm khu di tích Cấm Thành ở Bắc Kinh, du khách phương Tây sẽ nhận thấy một điều khác biệt, là trong tất cả các toà nhà ngang dãy dọc đó, không hề có một ngôi đền, một ngôi chùa, cũng không có một kiến trúc nào tương đương với một ngôi Nhà nguyện như trong cung điện Versailles ở nước Pháp. Tất nhiên ở Trung Quốc vẫn có những nơi thờ tự, nhưng chúng nằm ở những chỗ kín đáo và chùa thờ Phật vẫn có thể nằm cạnh quán Đạo giáo, thậm chí cả miếu Khổng giáo. Số lượng lớn những đền miếu đó, cho dù dưới triều nhà Thanh, Phật giáo Tây Tạng được thừa nhận là tôn giáo chính thống của Trung Quốc, vẫn không nói lên được tính chất tôn giáo của người Trung Hoa. Ở Trung Quốc tôn giáo không đóng một vai trò chủ đạo như ở phương Tây. Trung Quốc là một ví dụ độc đáo về

văn hoá trong đó mọi tôn giáo đều có nguồn gốc từ nước ngoài (trừ Đạo giáo). Việc thiếu quan tâm đến tôn giáo của người Trung Hoa đã khiến người phương Tây kinh ngạc:

Không bao giờ người Trung Hoa, trừ những người sùng kính Phật giáo, thấy sự cần thiết phải được cứu rỗi - đó cũng là điều khiến họ khác xa người Kitô giáo- không bao giờ họ thấy cuộc sống thật đáng ghét, không bao giờ họ ước mơ đạt đến Niết Bàn... Tâm thức đó, quả thật đã khiến cho họ không có nhu cầu phải chuộc tội, cũng không cần sùng bái... Sự thiếu hụt về tôn giáo của người Trung Hoa là do họ tìm thấy hạnh phúc quá dễ dàng<sup>(7)</sup>.

Ta thấy tác giả coi sự thiếu tình cảm tôn giáo là một điểm yếu. Tuy nhiên, người ta vẫn buộc phải thừa nhận sự phong phú của văn minh Trung Hoa dù có thiếu một cuộc sống tâm linh rõ rệt. Một nửa thế kỉ sau, Phó Tổng thống Mỹ Dick Cheney cũng thiếu hiểu biết như vậy trong bài diễn văn nói trước sinh viên trường Đại học Phúc Đán ở Thượng Hải ngày 15 tháng 4 năm 2004, khi ông tuyên bố: “Chỉ riêng của cải vật chất không thể thoả mãn ước muốn sâu xa của lòng người. Chỉ có thể đạt đến điều đó bằng hoàn toàn tự do về tôn giáo, về ngôn luận, về lập hội và về tâm thức”. Ở đây, một chính khách phương Tây không thể hiểu được sự thiếu vắng tình cảm tôn giáo mà họ cho là do những biện pháp đàn áp chính trị gây nên.

Nhưng sự thiếu quan tâm đến tôn giáo của người Trung Quốc đến nay đã được biết tương đối rõ, không chắc rằng người ta đã nắm được hết mọi hệ lụy, dù cho

7. *Histoire générale des Religions*. Nxb. Aristide Quillet, 1944, bài của Paul Masson – Oursel về Trung Quốc.

những nhà Trung Hoa học từ lâu đã nhấn mạnh tầm quan trọng của nó.

Họ (người Trung Hoa) không phải là một dân tộc mà mọi tư tưởng và hoạt động tôn giáo được thể hiện thành một phần quan trọng và hấp dẫn của cuộc sống [...]. Chính đạo đức (đặc biệt là đạo đức Khổng giáo) đã cung cấp cơ sở tinh thần cho văn minh Trung Hoa, chứ không phải là tôn giáo (chi ít không phải là một tôn giáo chính thức và có tổ chức) [...]. Tất cả những cái đó chỉ ra sự khác biệt có tầm quan trọng cơ bản giữa Trung Quốc với hầu hết các nền văn minh lớn trong đó Giáo hội và Tăng đoàn đóng một vai trò chủ đạo<sup>(8)</sup>.

Trong những biểu hiện của sự khác biệt cơ bản đó mà Derk Bodde nêu lên, có một điều đã đem lại hậu quả nặng nề: sự thiếu vắng khái niệm về *Sáng thế* ở Trung Quốc.

Ta biết sự thiếu vắng hầu như hoàn toàn của việc giải thích vũ trụ liên quan đến sự ra đời của con người, cũng như nguồn gốc của vạn vật, là một nét đáng chú ý của văn minh Trung Hoa, và đặc biệt là của truyền thống Nho học<sup>(9)</sup>.

Nếu có truyền thuyết kể lại sự tạo dựng của thế giới và loài người (truyện bà Nữ Oa) thì nó nhanh chóng bị lãng quên, chúng đã bị *úa vàng*. Truyền thống Nho học không những không quan tâm đến sự Sáng tạo Thế giới, mà còn không quan tâm đến *sáng tạo* nói chung.

Trong một khu vườn phía sau Cấm thành có một tảng đá. Tảng đá đó được gọi là *Nha* (răng) rất giống một hàm răng lớn. Nó được đặt trên bệ và được coi như một tác phẩm nghệ thuật. Một phía của tảng đá có nhiều vết thối, lác đác có những điểm sáng. Người ta có thể suy diễn đó là hình ảnh một nho sĩ đang xắn tay áo ngắm nhìn chòm sao Thất Tinh cạnh một thác nước. Có rất nhiều kì quan

thiên nhiên mà con người đã ngắm nhìn từ xưa, nhưng hình như không đâu giống Trung Quốc, người ta lại thu thập đá trong vườn nhiều như vậy, bố trí như những tượng trong vườn nước Ý, nghĩa là coi chúng như những tác phẩm nghệ thuật. Nhưng đó là một nghệ thuật không có người sáng tạo. Ở phương Tây những tảng đá đó cũng sẽ được chiêm ngưỡng, nhưng không coi là tác phẩm nghệ thuật. Ngược lại, trong khi tên tuổi của Phidias được gắn với ngôi đền Parthénon và tên của Brunelleschi gắn với nhà thờ ở Florence, thì không có một công trình kiến trúc lớn truyền thống nào của Trung Quốc được gắn với tên của một nhà kiến trúc, một nghệ sĩ, nói tóm lại là một *nhà sáng tạo*. Nếu phải kể tên một nhà kiến trúc Trung Hoa, thì một tên duy nhất được chúng ta biết đến là Lý Tiết, mất năm 1110, nổi tiếng vì ông là tác giả cuốn *Doanh tạo pháp thức* (quy tắc về xây dựng). Nghiên cứu kiến trúc Trung Quốc không thiếu điều khiến chúng ta phải ngạc nhiên: dù là vật liệu (gỗ), quan niệm về bố cục (những ngôi nhà bao quanh một cái sân trong), cấu trúc của xây dựng (cột chống đỡ mái liên kết bằng những vì kèo) và phong cách (vối mái cong đầu đao đặc điểm của Trung Quốc và truyền bá sang một phần Đông Á), tất cả những thành phần đó gần như đã được xác định dưới thời nhà Đường (khoảng thế kỉ VII) và kéo đến tận nhà Thanh (thế kỉ XIX). Hãy tưởng tượng rằng nước Pháp đã xây dựng theo cùng một phong cách từ thời dòng họ Mérovingiens làm

8. Derk Bodde trong: *Journal of the American Oriental Society*. T. 62, Số 4.

9. Francois Jullien. *Procès ou création*. Chương 4. Nxb Seuil, 1989.

vua cho đến thời Napoléon III! Tuy nhiên, kiến trúc đó vẫn tiến hoá theo thời gian, nó được thích nghi tùy nơi và tùy thời đại. Nhà ở Thiểm Tây, tỉnh nội địa hay hạn hán, thì nổi tiếng vì có mái một chiều, thu gom tất cả nước mưa vào sân trong, còn nhà ở Tô Châu thì nổi tiếng vì có những khu vườn phong phú và hồ nước. Sự kinh ngạc của người phương Tây khi đến thăm Trung Quốc là cái phong phú của kiến trúc nhưng không bao giờ được gắn với tên một người sáng tạo.

Thật có ý nghĩa khi chúng kiến sự gián đoạn về kiến trúc xảy ra trong thế kỉ XIX. Phong cách Trung Hoa đã tồn tại trước cuộc xâm lăng của Mông Cổ và Mãn Thanh lại không trụ được trước cuộc xâm nhập của phương Tây. Thật ra có thể nhận thấy một vài ảnh hưởng kiến trúc đến từ nơi khác (như cái Potala nhỏ ở Thành Đô là một ví dụ về kiến trúc Hán – Tạng), nhưng chỉ đến thế kỉ XIX cuộc cách mạng thực sự mới diễn ra trong kiến trúc Trung Hoa. Và một trong những tín hiệu nổi bật của toàn cầu hoá Trung Quốc rõ ràng là việc từ chối quay trở lại phong cách Trung Hoa. Khi phải xây dựng một kiến trúc biểu tượng, Nhà hát Opéra Thượng Hải được giao cho kiến trúc sư Pháp Jean – Marie Charpentier và Nhà hát Bắc Kinh, kiến trúc tiêu biểu nằm gần Quảng trường Thiên An Môn và Cấm Thành, lại do một kiến trúc sư Pháp khác thiết kế là Paul Andreu.

Chỉ có một nghệ thuật mà ta có thể nghĩ rằng không thể bỏ qua sự sáng tạo. Đó là thi ca. Thực vậy, người ta biết tên tuổi của tất cả các thi hào lớn của Trung Quốc như: Lý Bạch, Đỗ Phủ, Đào Uyên Minh, Tô Đông Pha... [...]

Sự thiếu vắng tư duy sáng tạo có thể trở thành một trở ngại cho sự phát triển của Trung Quốc không?

Tất cả các nhà giáo dục phương Tây có dịp dạy học ở Trung Quốc đều nói: sinh viên Trung Quốc cần cù và thông minh, họ chăm học và hiểu rất nhanh, nhưng họ thiếu óc sáng tạo. Giáo dục ở Trung Quốc chủ yếu đòi hỏi sự truyền đạt kiến thức của thầy cho trò. Thầy dạy, học trò học thuộc lòng. Điều đó đã làm từ lâu. Bản thân Khổng Tử đã nói: “Ta chỉ dạy, ta không nghĩ ra điều gì cả” (*Luận ngữ*, VII, 1). Từ lâu tôi đã phê phán hệ thống giáo dục đó, trước khi nhận ra rằng dù sao nó vẫn có một vài điều khả thủ. Phần lớn những người Trung Hoa được tiếp thu một nền học vấn nào đó, đều thuộc lòng những bài thơ nổi tiếng của ngôn ngữ mình và những câu trích dẫn văn học xuất sắc nhất. Khi họ học lúc còn rất trẻ, họ chưa hiểu hết, nhưng những văn bản đó nằm trong kí ức và khi họ đến tuổi hiểu biết, họ chỉ cần nhớ lại để tìm ra, trong khi phương pháp giáo dục hiện đại có thể đã gieo mầm cho sự sáng tạo, nhưng phải có nỗ lực.

“Thiếu sót” đó về sáng tạo nằm trong công việc. Một công ti Pháp, nổi tiếng đối với những ý tưởng về trò chơi video, đã thành lập một chi nhánh ở Trung Quốc. Những năm đầu hoạt động của chi nhánh, đánh giá của các ông chủ Pháp đều theo một hướng: các kĩ sư Trung Hoa rất có khả năng ứng dụng các trò chơi đã có cho khách hàng Trung Hoa và chúng tỏ sự khéo léo, nhưng họ không thể tưởng tượng, không thể sáng tạo nên trò chơi mới.

Lúc đó hình như đã nảy sinh ra một sự phân công lao động mới. Một trong những

ví dụ rõ nét nhất là do công ti Nike, công ti đồ dùng thể thao nổi tiếng nhất, đưa ra. Tại nước gốc là Hoa Kỳ, tập đoàn không sản xuất ra một đôi giày nào nữa. Tất cả giày đều được sản xuất ở Châu Á, đặc biệt là ở Trung Quốc. Tuy nhiên, việc nghiên cứu phát triển, marketing, chiến lược kinh doanh vẫn tiếp tục được tiến hành ở Mỹ và khi Nike bán lại trong nước những đôi giày làm ở Trung Quốc, việc phân tích giá cả cho thấy phần chủ yếu của giá trị gia tăng là của Mỹ. Mô hình tổ chức đó rất được ưa chuộng và hình như biểu hiện một logic lớn. Nó tuân theo học thuyết về so sánh ưu đãi đã được nhà kinh tế học Ricardo giải thích: một nước chuyên môn hoá những cái họ làm tốt hơn, sản xuất ở Trung Quốc để tận dụng giá nhân công rẻ và sự hoà thai ở Mỹ là nơi người ta có thể chứng tỏ khả năng sáng tạo.

Ta có thể thấy dẫn chứng là sự thiếu vắng những thương hiệu lớn của Trung Quốc trên thế giới: không có một thương hiệu nào có thể so sánh với Toyota, Honda hay Sony, lại còn không thể sánh với Microsoft. Nhãn hiệu Trung Quốc được biết đến nhiều nhất trên thế giới vẫn là bia Tsingtao (Thanh Đảo)! Tất cả những cái đó toát ra một ý tưởng về một nước Trung Quốc chạy theo sau các nước tiên tiến, có khả năng làm ra những hàng tốt giá rẻ, làm thế giới kinh ngạc bằng tỉ lệ tăng trưởng cao, nhưng không có khả năng cải tiến và sáng tạo.

Giáo dục Trung Hoa tiếp tục đề cao thực tập trước khi sáng tạo. Đó là sao chép trước khi cải tiến, giống như trong các trường dạy hội hoạ ở Italia, phải bắt chước thầy giáo trước khi phát triển

phong cách của riêng mình. Rõ ràng là nó không khuyến khích óc tưởng tượng. Có thể suy ra rằng, vì lí do đó, Trung Quốc không thể đuổi kịp sự chậm trễ của mình chẳng? Có thể bảo đây là lí do khiến Trung Quốc bị phương Tây vượt qua chẳng?

Có một người đã dành cuộc đời để so sánh sự phát triển khoa học và kĩ thuật giữa Trung Quốc và phương Tây là Joseph Needham, cùng với nhóm của mình ở Đại học Cambridge, đã cống hiến cả sự nghiệp để thống kê đến mức đầy đủ nhất những phát minh của Trung Hoa và rút ra thực chất trong 7 tập sách *Khoa học và văn minh ở Trung Quốc*, với tập I xuất bản năm 1954. Needham phát hiện rằng người Trung Hoa đã phát minh trước người Châu Âu, không những là la bàn, thuốc súng và máy in, mà còn có hàng trăm phát minh khác ít được biết đến, dù là rất cần thiết: luyện kim, bàn đập và hàm thiếc ngựa, trục cardan (chuyển động đa chiều) và tam giác Pascal, cầu vòm cuốn và cửa âu kênh đào, sống đuôi tàu, v.v...

Tại sao khoa học hiện đại, nếu có thể đối lập với khoa học cổ đại và trung đại [...], lại chỉ phát triển ở thế giới phương Tây<sup>(10)</sup>?

Câu hỏi đó trở thành nổi tiếng dưới tên gọi *vấn đề Needham* đã chiếm lĩnh một phần lớn cuộc đời ông. Người ta có thể trách ông đã tiến hành nghiên cứu bằng cách lấy khoa học phương Tây làm điểm quy chiếu, nhưng nếu ta chấp nhận cách tiếp cận đó vì nó mang lại hiệu quả lớn, thì đọc Needham sẽ rất thú vị.

10. Joseph Needham. *Khoa học Trung Quốc và phương Tây*. Chương Dẫn luận. Nxb Allen and Unwin Ltd, 1969.

Sau các nhà sử học, về khoa học khác, Needham xác định từ thời Phụng hưng, và chính xác hơn là trong vòng ảnh hưởng của Galilée, thời điểm lúc khoa học phương Tây cất cánh và bỏ xa khoa học Trung Hoa. Trước hiện tượng đó, có một cách giải thích: sự ra đời của phương pháp toán học - thực nghiệm chỉ đạo mọi sự phát triển của khoa học và kỹ thuật hiện đại.

Pledge có lí khi ông đối lập Galilée (1564 – 1642), người đáng được coi là gương mặt trung tâm của toán học hoá các khoa học tự nhiên, với Léonardo de Vinci (1452 – 1519), bằng cách nói rằng, mặc dầu tầm nhìn của Léonardo về tự nhiên và mặc dầu tính chất xuất sắc các thí nghiệm của ông, thì ông vẫn không đem lại một sự phát triển nào khác tiếp theo sau đó, bởi vì ông thiếu toán học<sup>(11)</sup>.

Nhưng nếu có thể dễ dàng hiểu được tại sao toán học hoá các khoa học đã giúp cho nó tiến bước vượt bậc, giống như ở Châu Âu, Needham không dừng lại ở đấy và đặt câu hỏi tại sao việc toán học hoá đó lại diễn ra ở Châu Âu chứ không phải ở Trung Quốc.

Về phần mình, Francois Jullien nghiên cứu khái niệm về mô hình ở phương Tây:

Nó được đồng hoá đến mức ta không nhìn ra nữa [...]: chúng ta dựng nên một hình dạng lí tưởng – *eidos* – mà chúng ta đặt làm mục tiêu – *telos* – và tiếp đấy chúng ta làm để chuyển nó vào trong các sự kiện [...]. ý tưởng về mô hình được trình ra dưới một mô hình, trước tiên là sự hiện diện: với lòng nhân từ thiêng liêng, thực hiện nhằm tạo nên cái hoàn thiện, tạo hoá của Platon không thể làm khác bằng cách “chăm chăm nhìn về” một “thực thể không thể huỷ diệt” để dựng lên thành một hệ biến hoá, để hoàn thành trong sự nghiệp “hình dạng và tính chất” [...] và “mọi cái mà nó làm ra bằng cách đó đều là thiện mĩ”<sup>(12)</sup>.

Tầm quan trọng của “mô hình” lớn đến mức người ta không thể thấy được nữa! Mọi người đều chăm chăm nhìn vào đấy, kể từ khi người thợ thủ công của đô thị [...], người chiến binh vạch kế hoạch tác chiến hay nhà kinh tế học vạch đường cong của sự tăng trưởng<sup>(13)</sup>.

Người ta đi ngược lên tận Platon và những hình dạng vĩnh cửu của ông mà mọi người “thợ thủ công” đều tìm cách làm lại. Việc toán học hoá các khoa học có thể diễn giải như một công trình mô hình hoá rộng lớn, một sự ứng dụng vào một lĩnh vực đặc biệt của lịch sử dài lâu về “lí thuyết-thực hành”. Tuy nhiên:

Tư duy Trung Hoa, bản thân nó, đã đưa chúng ta ra khỏi nếp gấp đó. Vì nó không xây dựng một thế giới có ý thức lí tưởng, như một hình mẫu hay tinh túy thuần khiết, tách rời khỏi thực tế [...]: mọi hiện thực đối với nó là như một lời lên án, được điều tiết và liên tục, chỉ phụ thuộc vào tác động tương hỗ của các nhân tố có liên quan (vừa đối lập và bổ sung cho nhau: hai nhân tố âm và dương nổi tiếng)<sup>(14)</sup>.

Về phần mình, Needham chú trọng đến sự phân tích khác. Trước hết ông quan tâm đến những điều kiện cho phép việc toán học hoá các khoa học đó: đó là cái mà ông gọi là sự phát triển của nghề thủ công cao cấp và sự kết hợp của đại số và hình học. Ta biết rằng hình học ra đời ở Hi Lạp được phát triển ở Ấn Độ và Trung Quốc. Nhưng trong vòng một thế kỉ, Viète (1580) và Recorde (1557) đã lập nên cách ghi kí hiệu đại số hợp lí, Napier

11. Joseph Needham. *Toán học và khoa học ở Trung Quốc và ở phương Tây*. Tạp chí *La Pensée*. Số 75, tháng 9 – 10/1997.

12. Francois Jullien. *Traité de l'efficacité*. Chương 1. Nxb Grasset, 1996.

13. F. Jullien. Sđd, Chương 1.

14. F. Jullien. Sđd, Chương 2.

(1614) phát minh ra logarit, Descartes (1637) phát minh hình học phân tích, Newton (1665) và Leibniz (1684) toán học vi phân. Nhưng việc đó chỉ là đặt lại vấn đề, vì Needham đã chứng minh rằng nghệ thủ công cao cấp đã tồn tại ở Trung Quốc và người Trung Hoa có thể phát triển những kiến thức toán học cuối cùng đã nở rộ ở Châu Âu. Nếu người Trung Hoa không làm điều đó, chủ yếu là vì họ cảm thấy không cần thiết. Tại sao người Châu Âu trong thế kỉ XVI và XVII lại quan tâm đến những điều mà người Trung Hoa bỏ qua? Câu trả lời của Needham cũng giống như những lập luận đã được biết đến: đối với ông, sự trùng hợp của thời Phục hưng, phong trào Cải cách và sự xuất hiện của chủ nghĩa tư bản thương nghiệp, tiếp theo là công nghệ gia công, là nhân tố quyết định đã không xảy ra ở Trung Quốc. Trong khi xã hội tư bản chủ nghĩa thương nghiệp được thiết lập ở Châu Âu cần có những phát minh của khoa học, thì xã hội nông nghiệp quan liêu thống trị ở Trung Quốc lại ít thấy có nhu cầu, và thậm chí đôi khi còn chống lại.

Khi nghiên cứu về nguồn gốc của “sự toán học hoá các giả thuyết” trong hệ thống thực nghiệm, Needham nhấn mạnh đến sự tồn tại lâu dài các ảnh hưởng của Pythagore và Platon, thể hiện ở khái niệm về vũ trụ như là sự sáng tạo toán học. Ông đã đi đến kết luận mang nghịch lí: Galilée, thường được nêu lên như là người thúc đẩy sự ra đời của khoa

học trước sự mê muội của tôn giáo, trở thành người phát triển khoa học hiện đại trong lập luận của mình, vì ông tin vào một trật tự tối cao của vũ trụ, nghĩa là tin vào Chúa Sáng thế. Khoa học hiện đại không phát triển chống lại tôn giáo, mà là song hành với tôn giáo, trong niềm tin được chia sẻ là có sự tồn tại của một mô hình hoàn thiện.

Như vậy là với sự thận trọng, vì thật khó khăn khi phiên lưu vào một lĩnh vực phức tạp như vậy, Needham gợi ý rằng nếu phương Tây có thể cất cánh khoa học giúp cho nó chinh phục thế giới, là bởi vì tổ chức xã hội của nó do giai cấp tư sản thương nghiệp thống trị đang cần đến khoa học và tâm thức của nó được đào luyện từ thời đại Hi Lạp, do niềm tin vững chắc vào sự tồn tại của một sự hoàn thiện tối thượng, đã đem lại công cụ cho nó. Chính là sự thiếu vắng của hai nhân tố đó đã “giải thích” tại sao Trung Quốc đã bị Châu Âu vượt qua.

Đến lượt Trung Quốc đã lấy sự đi lên của kinh tế thành động lực xã hội. Phải chăng điều đó đã thúc đẩy một sự đảo lộn theo hướng ngược lại, giống như Châu Âu đã vượt qua Trung Quốc ở thế kỉ XV? Hãy còn quá sớm để biết được tất cả. Nhưng một cách khiêm tốn, xã hội Pháp đưa trò chơi video vào chi nhánh của mình ở Trung Quốc đã nhận ra rằng sự sáng tạo của những người lập trình của họ đã có tiến bộ đáng kể...

**Đào Hùng trích dịch**